TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Bà Nguyễn Thị Hương.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị QTT, sinh năm 2000.

Trú tại: Tiểu khu HI, thị trấn IO, huyện huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LVT, sinh năm 1995.

Trú tại: Tiểu khu HI, thị trấn IO, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị QTT trình bày:

Chị và anh LVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 19/9/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hua Trai, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung không hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ nhiều năm hai người sống không quan

tâm đến cuộc sống của nhau. Chị QTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVT.

Về con chung: Có một con là LTH, sinh ngày 10/11/2018. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng một con, chị không yêu cầu anh LVT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVT từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị QTT và anh LVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị QTT. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được.

Về con chung: Có một con là LTH, sinh ngày 10/11/2018.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho chị QTT được ly hôn anh LVT.

Con Chung: Giao cho chị QTT trực tiếp nuôi con LTH, sinh ngày 10/11/2018. Anh LVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị QTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bầy nguyện vọng, đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân thị trấn IO, huyện Mường La và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVT.

Nguyên đơn chị QTT có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị QTT và anh LVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVT không chăm lo xây dựng gia đình, hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị QTT và anh LVT đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị QTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị QTT được ly hôn anh LVT.

[3] Về con chung: Có một con là LTH, sinh ngày 10/11/2018. Căn cứ vào nguyện vọng của chị QTT xin được nuôi con và hiện con đang ở với mẹ, nên cần chấp nhận giao cho chị QTT trực tiếp nuôi dưỡng con. Chị QTT không yêu anh LVT phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị QTT đã được giải thích thủ tục miễn án phí, nhưng chị không cần miễn án phí. Chị QTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị QTT được ly hôn anh LVT.

2. Giao cho chị QTT trực tiếp nuôi con LTH, sinh ngày 10/11/2018. Anh LVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị QTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001255 ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị QTT, anh LVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NguyÔn Minh TuÊn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Hua Trai, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.